

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/12/2022		•	
Tuần 26/12-30/12/2022		•	
Tháng 12/2022			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường mở cửa với sắc đỏ bao phủ thị trường và khiến VN-Index kết thúc tại ngưỡng 985.21 điểm. Kết phiên, chỉ số giảm 35.13 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực khi chỉ có duy nhất 1/19 ngành tăng điểm (Ngành viễn thông). Về giao dịch của khối ngoại, khối này mua ròng trên hai sàn HSX và HNX. Nhịp điều chỉnh hôm nay đã khiến VN-Index rơi xuống dưới ngưỡng tâm lý 1000 điểm với thanh khoản nằm ở mức thấp. Xu hướng này cho thấy VN-Index đang trong quá trình dò đáy và kiểm tra ngưỡng 1000 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/12/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-35.13** điểm, đóng cửa **985.21** điểm. HNX-Index **-6.8** điểm, đóng cửa **198.5** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.53)**, **CRE (+0.03)**, **CKG (+0.03)**, **EVF (+0.02)**, **CSM (+0.02)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-3.06)**, **VIC (-2.1)**, **VPB (-1.95)**, **CTG (-1.93)**, **HPG (-1.82)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,489** tỷ đồng, tăng **24.8%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **9,976** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **36.68** điểm. Thị trường có **56** mã tăng, **44** mã tham chiếu, **382** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **437.38** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (127.82 tỷ)**, **VCB (38.98 tỷ)**, **PVD (35.18 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **21.88** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **985.21**
Giá trị: 8489.18 tỷ **-35.13 (-3.44%)**
Khối ngoại (ròng): 437.38 tỷ

HNX-INDEX **198.50**
Giá trị: 959.6 tỷ **-6.8 (-3.31%)**
Khối ngoại (ròng): 21.88 tỷ

UPCOM-INDEX **69.71**
Giá trị: 300.04 tỷ **-1.3 (-1.83%)**
Khối ngoại(ròng): 8.36 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	79.6	2.67%
Giá vàng	1,798	0.32%
Tỷ giá USD/VND	23,626	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,921	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	17,820	0.00%
LS liên NH 1 tháng	8.2%	1.02%
LS TPCP 5 năm	4.7%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	127.82	VHM	-11.38
VCB	38.98	SHB	-7.09
PVD	35.18	VGC	-6.46
VNM	33.36	NVL	-3.76
BID	25.33	BVH	-3.23

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất phân tích kỹ thuật	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Danh mục đầu tư cơ bản	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/19/2022	VCS	57.7	70.5	53.3	53.7	7	-6.93%	Có thể tiếp tục mua
12/15/2022	TLG	51.1	60	45.5	49.5	11	-3.13%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

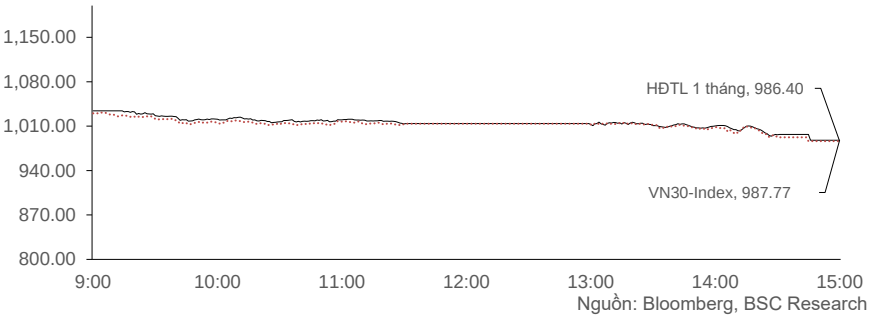
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/16/2022	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/5/2022	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
8/4/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/3/22	REE	81.2	93	78.5	SL	54	-3.33%
8/2/22	POW	13.75	16	13	SL	55	-5.45%
8/1/22	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	2	0.00%	-5.03%	-5.03%	9
Cổ phiếu đã chốt	250	229	7.06%	-7.48%	4.04%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2301	986.40	-4.68%	-1.37	4.2%	379,274	1/19/2023	33
VN30F2302	985.00	-4.92%	-2.77	35.8%	626	2/16/2023	54
VN30F2303	980.00	-4.14%	-7.77	151.9%	131	3/16/2023	82
VN30F2306	966.00	-4.83%	-21.77	-13.6%	216	6/15/2023	173

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -46.36 điểm xuống 987.77 điểm, biên độ dao động 45.4 điểm. Các cổ phiếu như VPB, TCB, HPG, MWG, và VHM đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Sắc đỏ áp đảo trong rổ VN30 với 29 mã giảm và 1 mã tăng. VN30 biến động với biên độ giao động lớn và áp lực bán tiếp tục mở rộng. Thanh khoản vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện khi tiếp tục nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2306 và VN30F2301 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng. Xét về vị thế mở, tất cả các hợp đồng tương lai đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2210	8/31/2023	248	10:1	167,900	35.46%	2,350	740	-3.90%	507	1.46	98,500	90,000	76,400
CVNM2207	3/28/2023	92	15.4:1	471,000	29.08%	1,100	950	-5.00%	611	1.55	88,476	68,668	76,000
CMSN2214	6/6/2023	162	10:1	235,700	46.40%	1,640	730	-7.59%	862	0.85	111,900	100,000	91,500
CACB2207	3/31/2023	95	4:1	564,400	39.23%	1,100	280	-9.68%	182	1.54	27,580	25,500	22,100
CVPB2212	8/31/2023	248	2.66:1	412,300	43.98%	1,700	350	-14.63%	273	1.28	25,497	37,000	17,200
CVRE2218	3/1/2023	65	5:1	628,100	45.88%	1,000	370	-15.91%	166	2.23	33,538	27,888	24,550
CTCB2214	6/6/2023	162	3:1	229,300	47.82%	2,470	1,150	-18.44%	974	1.18	31,680	27,000	25,700
CSTB2215	3/28/2023	92	5:1	1,210,200	56.03%	1,100	720	-19.10%	479	1.50	25,722	22,222	21,900
CHPG2225	6/6/2023	162	3:1	401,600	50.53%	1,550	1,250	-19.35%	825	1.52	20,870	17,000	17,100
CTCB2212	8/31/2023	248	4:1	550,900	47.82%	2,100	200	-20.00%	152	1.31	45,120	44,000	25,700
CSTB2222	3/1/2023	65	4:1	888,300	56.03%	1,000	990	-20.80%	758	1.31	24,622	20,222	21,900
CSTB2223	3/1/2023	65	4:1	818,200	56.03%	1,000	860	-21.82%	634	1.36	24,471	21,111	21,900
CVHM2218	6/6/2023	162	6:1	376,800	35.41%	1,650	550	-23.61%	382	1.44	63,180	54,000	47,000
CMBB2211	8/31/2023	248	4:1	2,573,600	45.14%	1,200	150	-25.00%	111	1.35	27,920	27,000	16,800
CVPB2211	3/31/2023	95	1.33:1	600,700	43.98%	2,450	260	-25.71%	152	1.71	23,605	35,000	17,200
CMBB2213	6/6/2023	162	3:1	392,700	45.14%	1,550	990	-28.78%	688	1.44	20,600	17,000	16,800
CSTB2214	1/9/2023	14	2:1	252,100	56.03%	1,630	520	-34.18%	237	2.19	23,940	23,000	21,900
CSTB2218	3/31/2023	95	2:1	1,743,400	56.03%	2,100	230	-34.29%	408	0.56	28,560	28,000	21,900
CHPG2224	3/1/2023	65	4:1	1,349,400	50.53%	1,000	240	-35.14%	59	4.06	24,502	22,222	17,100
CHPG2221	3/31/2023	95	4:1	6,877,200	50.53%	1,000	80	-42.86%	46	1.75	25,520	25,000	17,100
Tổng				20,743,800	46.85%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/12/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CMWG2206 và CPNJ2205 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 100% và 80%. Giá trị giao dịch tăng 31.32%. CSTB2222 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.48%.
- CSTB2218, CMSN2214, CFPT2212, và CMWG2213 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVNM2211, CFPT2212, CVNM2210, và CVNM2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2206, CPNJ2205, CFPT2205, và CMSN2213 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	42.6	-7.0%	1.0	2,710	4.9	3,504	12.2	2.7	49.0%	24.0%
PNJ	Bán lẻ	108.0	-0.6%	0.7	1,155	0.7	7,720	14.0	3.1	49.0%	25.9%
BVH	Bảo hiểm	45.5	-5.0%	1.0	1,469	1.0	2,359	19.3	1.5	26.8%	8.0%
PVI	Bảo hiểm	44.6	-2.4%	0.8	454	0.0	2,959	15.1	1.4	59.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	52.9	-4.0%	0.5	8,772	5.5	290	182.5	1.8	12.8%	1.0%
VRE	Bất động sản	24.6	-4.8%	1.1	2,425	2.7	909	27.0	1.7	32.8%	6.6%
VHM	Bất động sản	47.0	-5.6%	0.9	8,898	4.5	7,221	6.5	1.5	24.2%	25.2%
DXG	Bất động sản	12.3	-6.8%	1.9	326	5.0	1,390	8.8	0.8	27.2%	9.2%
SSI	Chứng khoán	17.1	-6.8%	1.7	1,104	14.2	2,253	7.6	1.2	41.2%	14.5%
VCI	Chứng khoán	23.0	-6.9%	1.0	435	6.3	3,018	7.6	1.5	20.0%	20.2%
HCM	Chứng khoán	19.8	-6.8%	1.6	393	5.8	2,087	9.5	1.1	42.8%	14.5%
FPT	Công nghệ	76.4	-2.1%	0.9	3,644	2.8	4,803	15.9	4.2	49.0%	28.5%
FOX	Công nghệ	49.0	-5.6%	0.4	700	0.1	4,926	9.9	2.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	102.6	1.1%	0.9	8,538	1.5	6,968	14.7	3.5	2.9%	25.5%
PLX	Dầu khí	30.2	-2.3%	1.5	1,668	1.0	738	40.9	1.6	18.0%	3.8%
PVS	Dầu khí	21.4	-4.0%	1.4	445	5.1	1,044	20.5	0.8	18.4%	4.1%
BSR	Dầu khí	13.4	-2.9%	0.8	1,806	3.0	2,108	6.4	1.1	41.1%	19.1%
DHG	Dược	84.5	-1.3%	0.3	480	0.0	6,822	12.4	2.7	54.2%	23.2%
DPM	Hóa chất	41.9	-3.1%	1.4	712	2.3	15,533	2.7	1.3	19.5%	56.1%
DCM	Hóa chất	25.9	-6.8%	1.3	596	2.7	7,691	3.4	1.4	12.2%	49.8%
VCB	Ngân hàng	78.9	-0.3%	0.9	16,235	4.2	5,584	14.1	2.9	23.6%	22.2%
BID	Ngân hàng	38.8	-0.5%	1.0	8,534	2.1	3,201	12.1	2.0	17.2%	18.1%
CTG	Ngân hàng	26.1	-5.8%	1.4	5,443	3.5	3,239	8.0	1.2	27.8%	15.5%
VPB	Ngân hàng	17.2	-6.3%	1.2	5,020	20.5	2,995	5.7	1.2	17.7%	23.3%
MBB	Ngân hàng	16.8	-5.4%	1.4	3,312	7.0	3,876	4.3	1.1	23.2%	27.3%
ACB	Ngân hàng	22.1	-3.5%	1.1	3,245	1.7	3,922	5.6	1.3	30.0%	27.0%
BMP	Nhựa	59.7	-1.5%	0.7	212	0.2	6,869	8.7	1.9	86.0%	22.9%
NTP	Nhựa	32.0	0.6%	0.6	180	0.0	3,961	8.1	1.4	17.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	10.6	-6.2%	1.6	507	0.1	178	59.6	0.8	10.1%	1.4%
HPG	Thép	17.1	-6.8%	1.5	4,323	23.9	2,662	6.4	1.0	21.3%	17.0%
HSG	Thép	11.0	-6.8%	1.9	286	7.1	439	25.1	0.6	7.3%	2.3%
VNM	Tiêu dùng	76.0	-0.3%	0.5	6,906	5.5	3,778	20.1	5.1	55.7%	25.4%
SAB	Tiêu dùng	173.0	-1.1%	0.8	4,824	1.7	8,428	20.5	4.6	62.6%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	91.5	-3.7%	1.0	5,664	2.5	6,744	13.6	5.1	30.4%	40.5%
SBT	Tiêu dùng	13.8	-6.8%	1.4	402	2.1	1,206	11.4	1.0	11.5%	9.1%
ACV	Vận tải	85.0	0.0%	0.8	8,045	0.3	363	234.3	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	108.9	-2.3%	1.1	2,564	0.7	114	953.8	3.4	16.9%	0.4%
HVN	Vận tải	12.7	-6.6%	1.7	1,218	1.1	(4,005)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	44.6	-3.0%	0.8	584	0.1	3,063	14.6	1.9	48.9%	14.2%
PVT	Vận tải	20.2	-6.3%	1.3	284	1.2	2,528	8.0	1.1	19.6%	15.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	53.7	-5.1%	0.8	374	0.2	7,783	6.9	1.7	3.0%	26.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.0	-7.0%	1.1	662	1.4	4,399	7.7	2.0	6.2%	28.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	9.9	-3.9%	1.3	163	0.2	652	15.1	0.7	2.0%	4.7%
CTD	Xây dựng	32.6	-5.4%	1.5	105	0.9	(832)	#N/A N/A	0.3	52.3%	-0.7%
CII	Xây dựng	12.2	-6.2%	1.6	134	2.3	1,464	8.3	0.6	8.6%	7.1%
REE	Điện	70.3	-4.9%	-1.4	1,086	1.7	7,767	9.1	1.7	49.1%	20.2%
PC1	Điện	20.1	-6.9%	-0.4	236	1.9	1,507	13.3	1.1	4.3%	8.7%
POW	Điện	10.3	-5.9%	0.6	1,049	3.0	499	20.7	0.8	4.8%	3.9%
NT2	Điện	28.0	-2.4%	0.7	350	0.4	2,858	9.8	1.8	16.3%	19.2%
KBC	Khu công nghiệp	20.0	-7.0%	1.6	667	3.6	2,934	6.8	0.9	19.1%	15.4%
BCM	Khu công nghiệp	78.0	-2%	0.9	3,510	0.5	1,654	47.2	4.6	3.0%	12.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	102.60	1.08	0.53	332400
CRE	9.30	2.99	0.03	531600
CKG	19.65	6.79	0.03	187600
EVF	8.60	2.99	0.02	2.41MLN
CSM	14.65	5.02	0.02	1900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	47.00	-5.62	-3	2.14MLN
VIC	52.90	-3.99	-2	2.37MLN
VPB	17.20	-6.27	-2	26.49MLN
CTG	26.05	-5.79	-2	2.96MLN
HPG	17.10	-6.81	-2	31.37MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PSH	4.44	6.99	0.01	196100.00
MCG	2.95	6.88	0.00	150600
CKG	19.65	6.79	0.03	187600
BTT	39.65	6.73	0.01	400
DTT	11.90	6.73	0.00	900

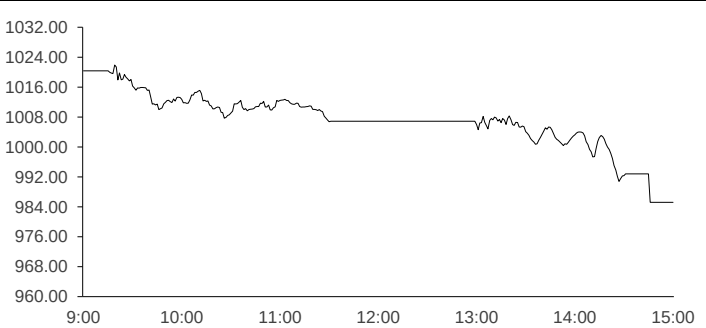
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	47.00	-5.62	-3.06	2.14MLN
VIC	52.90	-3.99	-2.10	2.37MLN
VPB	17.20	-6.27	-1.95	26.49MLN
CTG	26.05	-5.79	-1.93	2.96MLN
HPG	17.10	-6.81	-1.82	31.37MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

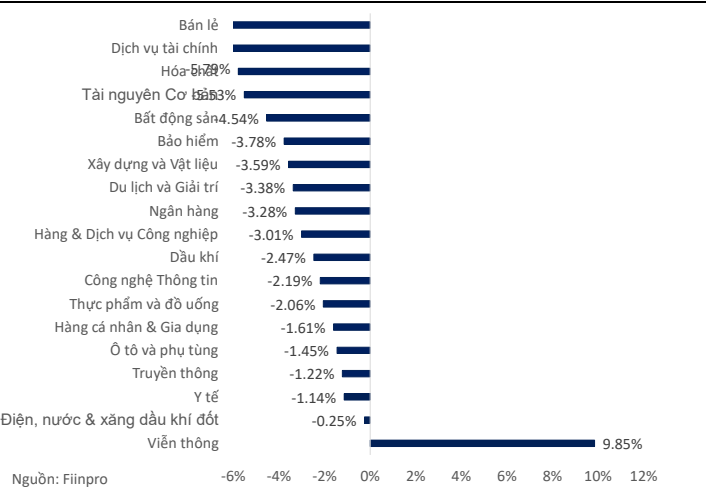
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHN	8.30	7.79	0.12	100.00
PTI	49.00	5.38	0.10	27400
EVS	13.30	7.26	0.10	260400
VIF	14.20	6.77	0.05	100.00
NTH	47.00	9.30	0.04	500

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	31.20	-9.04	-1.26	2.63MLN
SHS	8.00	-9.09	-0.96	26.74MLN
CEO	17.00	-9.57	-0.57	11.95MLN
THD	36.10	-2.43	-0.52	51300
HUT	13.80	-6.76	-0.46	1.53MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

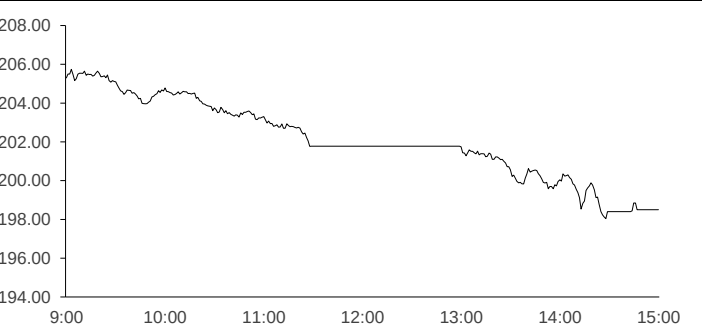
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAF	62.70	10.0	0.02	100
VNT	77.20	10.0	0.02	100
NFC	14.50	9.9	0.01	200
PIA	29.00	9.9	0.01	100
UNI	9.00	9.8	0.01	6000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSQ	1.80	-10.00	-0.01	39200
L14	40.50	-10.00	-0.17	562500
PBP	12.60	-10.00	-0.01	16200
PRE	18.90	-10.00	-0.05	12900
VGS	9.90	-10.00	-0.04	1.24MLN

Hình 2

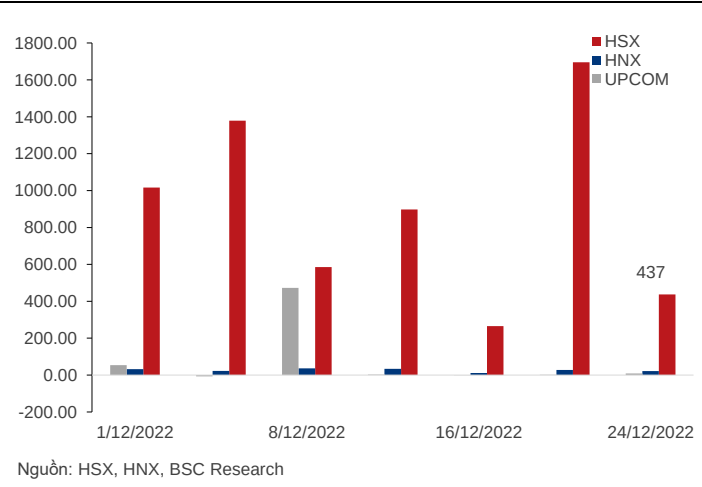
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	85.0	363	234.3	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	108.0	7,720	14.0	3.1	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	17.6	0	#N/A N/A	0.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	76.4	4,803	15.9	4.2	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	59.7	6,869	8.7	1.9	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	49.5	5,795	8.5	1.9	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	24.7	1,786	13.8	1.5	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	29.4	10,803	2.7	0.9	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	66.9	12,293	5.4	1.6	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	38.3	4,727	8.1	1.5	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	13.4	2,108	6.4	1.1	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	29.0	1,016	28.5	1.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	12.3	1,390	8.8	0.8	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	17.1	2,662	6.4	1.0	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	13.2	1,409	9.4	0.7	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	41.9	15,533	2.7	1.3	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	9.9	652	15.1	0.7	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	28.0	2,858	9.8	1.8	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.6	0	#N/A N/A	0.7	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	21.0	3,943	5.3	0.7	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	14.6	1,278	11.4	1.3	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	20.1	1,507	13.3	1.1	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	10.3	499	20.7	0.8	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	11.6	2,826	4.1	0.5	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	70.3	7,767	9.1	1.7	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	23.2	4,406	5.3	0.6	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	102.6	6,968	14.7	3.5	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	21.0	4,889	4.3	0.9	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	17.1	2,662	6.4	1.0	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	10.4	3,944	2.6	1.0	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	13.4	2,108	6.4	1.1	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	50.0	3,936	12.7	3.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	108.0	7,720	14.0	3.1	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.6	2,761	5.3	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	28.0	2,858	9.8	1.8	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	51.5	11,143	4.6	0.9	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	66.9	5,327	12.6	4.1	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	20.1	1,507	13.3	1.1	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	11.7	671	17.4	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	76.4	4,803	15.9	4.2	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	20.2	2,642	7.6	1.3	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	11.6	2,826	4.1	0.5	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	10.3	499	20.7	0.8	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	108.0	7,720	14.0	3.1	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	42.6	3,504	12.2	2.7	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.2	2,528	8.0	1.1	Click

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	22.1	19.1	15.71%	24	10.41%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	85.0	74.7	13.79%	90	5.88%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	78.0	75.0	4.00%	94	20.77%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	13.4	13.6	-1.47%	19	39.55%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	50.0	37.7	32.63%	51	2.40%	Click
6	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	20.2	17.1	18.13%	28	38.61%	
7	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	76.4	65.9	15.93%	85	10.73%	Click
8	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	66.9	59.8	11.87%	75	12.56%	
9	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	12.9	12.2	5.74%	16	21.71%	
10	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	31.2	29.0	7.59%	43	39.10%	
11	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	20.0	16.7	19.76%	18	-9.50%	
12	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	21.0	18.9	10.85%	24	12.65%	
13	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	42.6	37.9	12.40%	50	18.08%	Click
14	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	108.0	94.1	14.77%	119	10.09%	Click
15	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	10.3	10.5	-1.44%	13	26.21%	
16	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	17.6	13.6	29.41%	20	11.93%	Click
17	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	21.4	19.1	12.04%	28	30.84%	
18	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.0	12.0	8.33%	16	23.08%	
19	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	70.3	70.2	0.14%	86	22.33%	
20	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	78.9	75.0	5.20%	90	14.45%	
21	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	38.9	34.9	11.46%	48	23.39%	
22	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	66.9	74.9	-10.68%	87	30.34%	Click
23	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	76.0	75.7	0.46%	83	9.09%	
24	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	24.6	25.0	-1.80%	32	29.53%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Kim
Phân tích định lượng

Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Hòa
Phân tích phái sinh

Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Mộc
Phân tích cơ bản

Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Thổ
Phân tích chứng quyền

Trợ lý chứng quyền (Thổ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Thủy
Bảo cáo phân tích

Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
8	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
13	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
14	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
18	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
21	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
23	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
24	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
27	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
30	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
33	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
36	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
39	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
41	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
43	Banking Sector Outlook		x	Click
44	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639